TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 06/2024/DS-ST
Ngày: 03 – 5 - 2024
V/v "Tranh chấp Đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Khoa Nam
2. Bà Vũ Thị Lựu

- Thư ký Tòa án phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2023/TLST- DS ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST – DS ngày 12/4/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1974

Địa chỉ: thôn S, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Vũ Mạnh Ơ, sinh năm: 1955

Địa chỉ: khu phố D, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2023 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn Q trình bày:
Giữa ông Trần Văn Q và ông Vũ Mạnh Ơ đã xác lập Hợp đồng vay tài sản vào ngày 14/7/2017, ông Ơ vay của ông Q số tiền 150.000.000 đồng. Để tạo niềm tin ông Ơ có cầm cho ông Q một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 533147 đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 12, diện tích thửa đất 634,6m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở tại đô thị), địa chỉ thửa đất: khu phố D, phường L, thị xã P đứng tên chủ sở hữu là ông Vũ Mạnh Ơ; một sổ hộ khẩu tên Vũ Mạnh Ơ. Thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận là ngày 14/9/2017, có thỏa thuận về lãi nhưng không cụ thể mức lãi suất. Do ông Ơ vi phạm nghĩa vụ trả nợ ông Q khởi kiện yêu cầu ông Ơ trả số tiền nợ gốc 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Đối với yêu cầu về lãi suất thì tại phiên tòa ông nguyên đơn ông Q rút yêu cầu này chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Ơ trả số tiền nợ gốc.

Bị đơn ông Vũ Mạnh Ơ không đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt nên không có lời trình bày:

**Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm nào.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơn vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định giữa nguyên đơn ông Trần Văn Q và bị đơn ông Vũ Mạnh Ơ xác lập quan hệ hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn. Đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện đã hết theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự. Do đó Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ pháp luật "Tranh chấp đòi tài sản".

Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố D, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước nên căn cứ khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long.

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Giao dịch được xác lập giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự.

[2.2]. Tài liệu, chứng cứ là "Giấy vay tiền" – (BL 15) và lời khai của các đương sự tại Tòa án được xem là chứng cứ để xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn ông Vũ Mạnh Ơ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở cần được chấp nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 466, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự.

[2.3]. Tại phiên Tòa nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần lãi suất là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.4]. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 533147 đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 12, diện tích thửa đất 634,6m^2 , địa chỉ thửa đất: khu phố D, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước, ông Ơ cầm cho ông Q khi vay tiền. Trong vụ án này ông Ơ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của Nguyên đơn ông Q được chấp nhận, nên bị đơn ông Ơ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do ông Vũ Mạnh Ơ là

người cao tuổi (trên 60 tuổi) thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phía Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phía Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Q. Buộc bị đơn ông Vũ Mạnh Ơ có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn Q số tiền nợ gốc 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Q buộc bị đơn ông Vũ Mạnh Ơ trả số tiền lãi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Mạnh Ơ không phải chịu án phí.

Ông Trần Văn Q không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho ông Q số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp tạm ứng là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008693 của Chi cục Thi hành án thị xã Phước Long.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 03/5/2024). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

Phạm Thị Tịnh